

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày: 18-3-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Luận
Bà Trần Ngọc Diệu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1968.

Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số X, ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Trúc L1, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa chị L1 có mặt; Ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L1 trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 20/6/2023 ông Lê Văn L có vay của ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 số tiền 220.000.000 đồng, ông L hứa vài ngày sẽ trả. Đến ngày 27/7/2023, ông L có lập giấy cho mượn tiền thời hạn vay là 01 tháng, tức đến ngày 27/8/2023. Hai bên không thỏa thuận lãi suất. Quá thời hạn thỏa thuận trả tiền ông L không trả, ông T và bà T1 nhiều lần đòi tiền nhưng ông L vẫn không trả và cố tình lánh mặt.

Do đó ông T và bà T1 khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền vay còn nợ là 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; bản sao đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho ông L nhưng ông đều vắng mặt và cũng không gửi bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và bà T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông T, bà T1 khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền vay còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn ông L cư trú tại ấp Hồ Sen, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung vụ án: Ông T, bà T1 yêu cầu ông L có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 220.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: bản chính giấy cho mượn tiền ngày 27/7/2023, nội dung giấy cho mượn tiền thể hiện:

“Bên A (bên cho mượn) Lê Ngọc T, sinh năm 1968.

Số CMCD, CCCD: 083065009657 ngày cấp 12/9/2022 tại CCQLHC về TTXH.

Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1969.

Số CMCD, CCCD: 083169014971 ngày cấp 12/9/2022 tại CCQLHC về TTXH.

HKTT: Số 258, ấp Bình Đông, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bên B (bên mượn):

Lê Văn L, sinh năm 1985.

Số CMCD, CCCD: 083085000709 ngày cấp 31/3/2021 tại CCQLHC về TTXH.

HKTT: ấp Hồ Sen, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Sau khi thỏa thuận bên A đồng ý cho bên B mượn số tiền với nội dung sau: Số tiền cho mượn bằng số: 220.000.000 đồng. Số tiền bằng chữ hai trăm hai mươi triệu đồng.

Thời hạn trả: 27/8/2023.

Hai bên đã tự đọc lại giấy mượn tiền, đã hiểu và đồng ký tên...”

Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng vay có thời hạn và không lãi suất. Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Thời hạn trả tiền các bên thỏa thuận trong giấy mượn tiền là ngày 27/8/2023. Nay đã quá thời hạn nêu trên nhưng ông L không thực hiện việc trả nợ, hai bên không có thỏa thuận gia hạn thời gian trả nợ nên việc ông T và bà T1 khởi kiện yêu cầu ông L là có cơ sở.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T1 được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông L phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là 220.000.000 đồng x 5% = 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463 và 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hồng T1. Buộc ông Lê Văn L có trách nhiệm trả cho ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Lê Văn L có trách nhiệm nộp là 11.000.000 (Mười một triệu) đồng. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 (năm triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002754 ngày 11/01/2024.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tự nguyện thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan